

QUY ĐỊNH

**Vấn đề chính sách hỗ trợ giồng cây trồng, vật nuôi, thủy sản
khởi phát sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh**

THỜI ĐIỂM CHÍNH PH

Quy định số 142/2009/Q -TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giồng cây trồng, vật nuôi, thủy sản khởi phát sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2010, các sai, bổ sung bổ:

Quy định số 49/2012/Q -TTg ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa, bổ sung điều 3 của Quy định số 142/2009/Q -TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giồng cây trồng, vật nuôi, thủy sản khởi phát sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về nhiệm vụ và pháp chế pháp luật của Bộ Tư pháp, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội;

Xét nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn¹,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và trách nhiệm, thẩm quyền áp dụng

1. Phạm vi và trách nhiệm:

¹ Quy định số 49/2012/Q -TTg ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa, bổ sung điều 3 của Quy định số 142/2009/Q -TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giồng cây trồng, vật nuôi, thủy sản khởi phát sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có các nội dung ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định số sửa, bổ sung điều 3 của Quy định số 142/2009/Q -TTg, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giồng cây trồng, vật nuôi, thủy sản khởi phát sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh”.

a) Các loại thiên tai gây thiệt hại trực tiếp về cây trồng, vật nuôi, thysn;

b) Các loại dịch bệnh nguy hiểm về công bố theo quy định pháp luật về bảo vệ thực vật, thú y và thysn.

2. Nội dung áp dụng:

Hàng nông dân, người dân, chủ trương trị, tập hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ rủi ro cùng người sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giá trị cây, con.

3. Giá trị cây trồng, giá trị vật nuôi, giá trị thủy sản phải bám bo chế độ lâm nghiệp phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương.

4. Công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ, nhân lực.

Điều 3. Mức hỗ trợ²

1. Hỗ trợ về cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên:

a) Diện tích gieo cấy lúa thu hoạch bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 1.000.000 ng/ha;

b) Diện tích mùa lúa thu hoạch bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 20.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 10.000.000 ng/ha;

c) Diện tích lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 3.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 1.500.000 ng/ha;

d) Diện tích mùa lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 30.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 15.000.000 ng/ha;

e) Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 1.000.000 ng/ha;

f) Diện tích cây công nghiệp và cây lâu năm bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 4.000.000 ng/ha; thiệt hại 30 - 70%, hỗ trợ 2.000.000 ng/ha;

2. Hỗ trợ về nuôi gia súc, gia cầm:

² Điều này được sửa đổi theo Điều 1 của Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách hỗ trợ giá trị cây trồng, vật nuôi, thủy sản khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2012.

a) Thị trường do thiên tai

- Gia cầm h trị 10.000 - 20.000 ng/con;

- Lợn h trị 750.000 ng/con;

- Trâu, bò, ngựa h trị 4.000.000 ng/con;

- Hươu, nai, cừu, dê h trị : 2.000.000 ng/con.

b) Thị trường do dịch bệnh nguy hiểm: Mực h trị giảm theo quy định tại Quyết định số 719/Q -TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và Quyết định số 1442/Q -TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và sau đó, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 719/Q -TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

3. Hỗ trợ và khuyến khích nuôi thủy sản:

a) Diện tích nuôi cá trắm đen thâm canh b thị trường 30 - 70%, h trị 3.000.000 - 7.000.000 ng/ha; thị trường 70% h trị 7.000.000 - 10.000.000 ng/ha;

b) Diện tích nuôi tôm quảng canh b thị trường 30 - 70%, h trị 2.000.000 - 4.000.000 ng/ha; thị trường 70%, h trị 4.000.000 - 6.000.000 ng/ha;

c) Diện tích nuôi tôm sú thâm canh b thị trường 30 - 70%, h trị 4.000.000 - 6.000.000 ng/ha; thị trường 70%, h trị 6.000.000 - 8.000.000 ng/ha;

d) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh b thị trường 30 - 70%, h trị 10.000.000 - 20.000.000 ng/ha; thị trường 70%, h trị 20.000.000 - 30.000.000 ng/ha;

e) Diện tích nuôi ngao b thị trường 30 - 70%, h trị 20.000.000 - 40.000.000 ng/ha; thị trường 70%, h trị 40.000.000 - 60.000.000 ng/ha;

f) Diện tích nuôi cá tra b thị trường 30 - 70%, h trị 10.000.000 - 20.000.000 ng/ha; thị trường 70%, h trị 20.000.000 - 30.000.000 ng/ha;

g) Lồng, bè nuôi b thị trường 30 - 70%, h trị 3.000.000 - 7.000.000 ng /100m³ lồng; thị trường 70%, h trị 7.000.000 - 10.000.000 ng/100m³ lồng.

Các công trình thủy lợi, hệ thống nuôi, mặt nước theo nhu cầu nuôi và thị trường thị trường và giá trị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực

thu c Trung ng quy t nh h tr c th cho các h b thi t h i theo quy nh trên và v n d ng h tr cho các h nuôi lo i th y s n cùng nhóm i t ng nh ng không v t quá m c h tr c quy nh trên.

4. Tr ng h p h tr b ng hi n v t gi ng cây tr ng, gi ng v t nuôi, gi ng th y s n thì m c h tr t ng ng m c h tr b ng tỉ n c quy i theo giá t i th i i m h tr .

i u 4. Nguồn l c và c ch h tr t ngân sách Trung ng

1. Nguồn l c:

- a) D phòng ngân sách Trung ng;
- b) D phòng ngân sách a ph ng;
- c) Tài tr c a các t ch c, cá nhân trong và ngoài n c.
- d) Nguồn d tr qu c gia.

2. C ch h tr t ngân sách Trung ng:

a) Các t nh mi n núi, Tây Nguyên h tr 80% kinh phí b thi t h i do thiên tai, d ch b nh;

b) Thành ph Hà N i và thành ph H Chí Minh ch ng s d ng d phòng ngân sách a ph ng th c hi n;

c) Các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng còn l i h tr 70% kinh phí b thi t h i do thiên tai, d ch b nh;

d) Các a ph ng có m c thi t h i l n: khi ngân sách a ph ng chi h tr cho nông dân vùng b thi t h i do thiên tai, d ch b nh v t quá 50% ngu n d phòng ngân sách a ph ng s c xem xét, c p b sung kinh phí nh m giúp các t nh, thành ph có ngu n l c th c hi n.

i u 5. T ch c th c hi n ³

1. Giao B Tài chính ch trì, ph i h p v i B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn và các c quan liên quan h ng d n th c hi n Quy t nh này. C n c các quy nh t i Quy t nh này và ph n ngân sách a ph ng th c chi h tr gi ng cây tr ng, gi ng v t nuôi, gi ng th y s n khô i ph c s n xu t vùng

³ i u 2 c a Quy t nh s 49/2012/Q -TTg ngày 08 ngày 11 tháng 2012 c a Th t ng Chính ph s a i, b sung i u 3 c a Quy t nh s 142/2009/Q -TTg ngày 31/12/2009 c a Th t ng Chính ph v c ch , chính sách h tr gi ng cây tr ng, v t nuôi, th y s n khô i ph c s n xu t vùng b thi t h i do thiên tai, d ch b nh, có hi u l c k t ngày 30 tháng 12 n m 2012 quy nh nh sau:

“ **i u 2. B Tài chính ch trì, ph i h p v i B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn h ng d n thi hành Quy t nh này.**”

b) thiên tai, dịch bệnh, B Tài chính xem xét hỗ trợ tài trợ ngân sách trung ương hàng năm cho tỉnh áp dụng và nhắc báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm để hỗ trợ theo quy định của Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Căn cứ tình hình thực tế địa phương, mức và nguồn kinh phí hỗ trợ quy định tại Quy định này quy định mức hỗ trợ trực tiếp cho người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 2 điều 1 Quy định này.

b) Thực hiện công khai chính sách và mức hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại thôn, xã, báo mức hỗ trợ trực tiếp người bị thiệt hại. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả, không thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực;

c) Chuyển số ngân sách phòng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác thực hiện hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; kịp thời tiếp nhận báo cáo, ngành B Tài chính hỗ trợ kinh phí (phần ngân sách trung ương hỗ trợ) thực hiện;

d) Khuyến khích thiên tai, dịch bệnh hoặc cụ thể, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, B Tài chính kết quả thực hiện hỗ trợ tiếp nhận báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

điều 6. điều khoản thi hành⁴

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2010.

⁴ Điều 3 của Quy định số 49/2012/Q- TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định số 142/2009/Q- TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm cây trồng, vật nuôi, thiệt hại khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2012 quy định như sau:

“ điều 3. điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2012.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./”

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

**B NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

XÁC ĐỊNH CÔNG VIỆC NHIỆM VỤ

Số: 31 /VBHN-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2014

Nội dung:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo và công bố trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Công thông tin internet của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công bố);
- Văn Pháp chế ;
- Lưu VT, TCTL (3b).

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Cao Đức Phát